



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 60/2017/ VSM

V/v Báo cáo thường niên năm 2016

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2017

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM**

Mã chứng khoán: Chưa có.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 02, tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 39 686 686

Fax: 04. 3944 7033

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Hinh

Địa chỉ: Tầng 02, tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 39 686 686

Fax: 04. 3944 7033

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện quy định về việc công bố thông tin tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM xin thông báo và báo cáo về việc công bố thông tin báo cáo thường niên năm 2016.

Thông tin trên đã được Công ty chúng tôi đăng tải trên trang điện tử của Công ty vào ngày 18/04/2017 tại đường dẫn:

<http://www.vsm.vn/VSMNews.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;

- Lưu VP;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Thị Hinh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 39686686

Fax: 04 39447033

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2017



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

NĂM 2016

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Giấy chứng nhận ĐKKD: Giấy phép số 65/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03/12/2007.

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ đồng).

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ đồng).

Trụ sở chính: Tầng 2 - Tòa nhà Handico - Số 34 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Số điện thoại: 04. 39 686 686

Fax: 04. 39 447 033.

Website: www.vsm.vn

Mã cổ phiếu: Chưa có

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Là thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán ngày: 20/12/2007.
- Là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh ngày: 29/01/2008.
- Là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày: 29/02/2008.
- Ngày 19/10/2009 đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Phát thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam theo quyết định số 269/UBCK-GP của UBCK Nhà nước.
- Ngày 04/11/2009 thực hiện chuyển trụ sở chính từ số 55 Hàm Long, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội về địa chỉ số 01 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, TP Hà Nội theo quyết định số 273/UBCK-GP của UBCK Nhà nước.
- Ngày 02/08/2011 đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM theo quyết định số 45/GPĐC-UBCK của UBCK Nhà nước.
- Ngày 15/09/2011 Công ty được chấp thuận giao dịch trực tuyến theo giấy phép số 665/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Ngày 28/10/2011 Công ty được chấp thuận thực hiện giao dịch ký quỹ.

- Ngày 01/08/2014 thực hiện chuyển trụ sở chính từ số 01 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, TP Hà Nội về địa chỉ số 34 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội theo quyết định số 15/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- ❖ Môi giới chứng khoán;
- ❖ Tự doanh chứng khoán;
- ❖ Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- ❖ Lưu ký chứng khoán.

- Địa bàn kinh doanh: Không hạn chế.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình tổ chức:



- Các công ty con, công ty liên kết: Chưa có.

5. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Chiến lược phát triển của Công ty được đặt ra với mục tiêu trở thành một trong những Công ty chứng khoán có uy tín trong và ngoài nước, thỏa mãn hầu hết các nhu cầu của Nhà đầu tư tại Việt Nam và tuân thủ theo các chuẩn mực kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- VSM chú trọng tới việc đầu tư và phát triển nguồn lực con người, với phương châm “ Gia tăng giá trị” cho nhà đầu tư, VSM ưu tiên cho việc nghiên cứu, phát triển những sản phẩm dịch vụ phù hợp với từng giai đoạn của thị trường

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- VSM cam kết phát triển công ty trên một tầm nhìn dài hạn, bền vững và bài bản. Chúng tôi quyết tâm xây dựng VSM với một mô hình hoạt động hiệu quả đối với thị trường hiện tại, thích ứng với thay đổi, quản trị chắc chắn rủi ro để đạt được mục đích phát triển chiến lược trong tương lai
- VSM hướng tới mục tiêu trở thành tập đoàn đầu tư và tài chính có dịch vụ thuộc top đầu tại Việt Nam. Sứ mệnh của chúng tôi là đem đến chất lượng cao nhất, sản phẩm giá trị nhất, quyền lợi tối ưu nhất cho các cổ đông, khách hàng, đối tác và tất cả những ai đặt niềm tin vào sự tăng trưởng của VSM.

6. Các rủi ro:

Các hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ bối cảnh kinh tế, tình hình thị trường tài chính, tiền tệ. Trong những năm vừa qua là giai đoạn khó khăn của thị trường chứng khoán Việt Nam khi tăng trưởng kinh tế thấp, nền kinh tế không hấp thụ được nguồn vốn, các doanh nghiệp chưa đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, nợ xấu chưa được xử lý dứt điểm và các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

- Rủi ro thị trường: là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi.
- Rủi ro thanh toán là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết
- Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn.
- Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, ...
- Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh, ...
- Mức độ cạnh tranh trên thị trường giữa các công ty chứng khoán ngày càng khốc liệt và các chuẩn mực kinh doanh ngày càng được nâng cao.

II. Tình hình hoạt động Công ty trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	Đơn vị tính: đồng
			% so với năm 2015
Doanh thu	9.558.998.876	7.144.262.784	74,7%
Lợi nhuận trước thuế	103.940.493	-37.588.655.969	-
Lợi nhuận sau thuế	10.673.585	-37.588.655.969	-

Lợi nhuận năm 2016 của Công ty chúng tôi giảm so với năm 2015 là 37.599.329.554 đồng. Nguyên nhân là trong năm 2016, Công ty chúng tôi thanh lý trái phiếu Phương Trung làm phá sản khoản lỗ

15 tỷ đồng và thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, dẫn đến lợi nhuận trong năm bị giảm mạnh.

2. Tổ chức và nhân sự:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	013078038	25/09/2012	Hà Nội	26,97%
2	Hoàng Đình Trung	Tổng Giám đốc	027084000041	05/06/2014	Hà Nội	0%
3	Nguyễn Thị Thanh Vân	Kế toán trưởng	011784881	07/11/2009	Hà Nội	7,25%

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

Đối tượng	Họ và tên/Chức danh đầu kỳ	Họ và tên/Chức danh cuối kỳ	Ngày thay đổi	Lí do thay đổi
Thành viên Ban giám đốc	Hoàng Đình Kế/ Tổng Giám đốc	Hoàng Đình Trung/ Tổng Giám đốc	30/05/2016	

- *Nhận sự:* Tổng số nhân viên làm việc cho VSM tính đến ngày 30 tháng 12 năm 2016 là 29 người. Toàn bộ cán bộ nhân viên Công ty đều được hưởng đầy đủ chính sách của Nhà nước theo Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể của Công ty như: Tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chính sách nghỉ phép, nghỉ lễ tết.... Thu nhập bình quân của nhân viên đạt: 7.400.000 đồng/người/tháng (*Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng/người/tháng*).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% so với năm 2015
Tổng giá trị tài sản	202.939.768.575	165.502.010.960	81,6%
Doanh thu thuần	9.558.998.876	7.144.262.784	74,7%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	555.442.984	-37.587.770.992	-
Lợi nhuận trước thuế	103.940.493	-37.655.770.969	-
Lợi nhuận sau thuế	10.673.585	-37.588.655.969	-

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	124,84	92,92	
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	92,92	124,84	
TSLĐ - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,008	0,01	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,008	0,01	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,05	0,04	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,001	-	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,00005	-	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,00005	-	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	0,06	-	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần

- ❖ Tổng số cổ phần: 20.000.000 cổ phần.
- ❖ Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- ❖ Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 20.000.000 cổ phần.
- ❖ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

STT	Loại hình sở hữu cổ phần	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Doanh nghiệp nhà nước	0	0
2	Doanh nghiệp khác	1.120.500	5,60
3	Cổ đông cá nhân	18.879.500	94,40
4	Cổ phiếu quỹ	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán

b) Tiêu thụ năng lượng

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán

c) Tiêu thụ lượng

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, lượng sử dụng chỉ phục vụ cho văn phòng.

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

e) Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2016: 29 người

Mức lương trung bình đối với người lao động: 7.400.000 đồng

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Vào các ngày lễ, tết, ... Công ty tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty

- Hoạt động đào tạo người lao động:

Trong năm công ty đã tổ chức nhiều khóa đào tạo về nghiệp vụ chuyên môn cho nhân viên. Đồng thời, Công ty cũng tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm để giúp nhân viên nâng cao tính chuyên nghiệp trong xử lý công việc.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
1	Doanh thu	7.144.262.784
2	Chi phí kinh doanh	38.938.032.212
3	Chi phí quản lý	5.880.864.397
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-37.587.770.992
5	Chi phí khác	25.430.057
6	Thu nhập khác	24.545.080
7	Lợi nhuận sau thuế	-37.588.655.969

b) Những tiến bộ công ty đã đạt được

Năm 2016 là một năm còn nhiều khó khăn và những diễn biến không thuận lợi đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, dù vậy VSM cũng đã có nhiều tiến bộ trong năm qua về chuyển biến tích cực trong định hướng kinh doanh và tăng cường giám sát, quản trị rủi ro góp phần đưa công ty đứng vững trong bối cảnh khó khăn chung của toàn thị trường:

- ❖ Các hoạt động tư vấn tài chính vẫn được duy trì, tìm kiếm mở rộng khách hàng.
- ❖ Xây dựng kế hoạch và cơ chế khuyến khích kinh doanh, nhằm tăng doanh thu cho công ty.
- ❖ Giám sát và quản trị rủi ro: tăng cường giám sát việc thực hiện nội quy, quy chế, của cán bộ nhân viên toàn công ty, đồng thời nâng cao năng lực làm việc, quản trị rủi ro nhằm hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra đối với hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng			
STT	Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Tài sản ngắn hạn	163.538.737.081	200.891.361.703
2	Tài sản dài hạn	1.963.273.879	2.048.406.872
3	Tổng cộng tài sản	165.502.010.960	202.939.768.575

Năm 2016 tình hình tài sản của công ty giảm so với năm 2015: Tổng tài sản đầu năm là 202,9 tỷ trong đó tài sản ngắn hạn là 200,9 tỷ, tài sản dài hạn là 2,04 tỷ. Tổng tài sản cuối năm là 165,5 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 163,5 tỷ, tài sản dài hạn là 1.96 tỷ.

b) Tình hình nợ phải trả

STT	Khoản mục	Số cuối năm (đồng)	Số đầu năm (đồng)
1	Nợ ngắn hạn	1.760.088.793	1.609.190.439
2	Nợ dài hạn	0	0
3	Tổng cộng nợ phải trả	1.760.088.793	1.609.190.439

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2016, Ban điều hành công ty đã xác định được những khó khăn và thách thức của nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng nên đã thực hiện sàng lọc và cắt giảm tối đa chi phí. Đồng thời Ban điều hành xây dựng các kế hoạch tài chính, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Thực hiện quá trình thay đổi để hiện đại hóa hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng và năng lực quản lý, tiến hành các chương trình phát triển và học tập cụ thể, sát với yêu cầu để trang bị cho cán bộ, nhân viên các kỹ năng, năng lực và kinh nghiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ và những thách thức trong việc phát triển kinh doanh;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng đến khách hàng. Hình thành và hoàn thiện các chính sách để phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, gắn bó với công ty, có trách nhiệm với khách hàng của Công ty.
- Tích cực xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác bình đẳng, hiệu quả với các đối tác cho sự phát triển của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách và quy trình phục vụ, quy trình chăm sóc đối với khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Xây dựng phong cách phục vụ thân thiện, chuyên nghiệp, phấn đấu để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng và trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu, là lựa chọn tin cậy của khách hàng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

- Ý kiến ngoại trừ

Trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, đơn vị kiểm toán có nêu ý kiến ngoại trừ như sau:-

“Tại thời điểm 31/12/2016, số dư khoản tạm ứng cho các cổ đông, thành viên HĐQT là 38,8 tỷ đồng (chiếm 23,7% vốn chủ sở hữu của Công ty). Các khoản tạm ứng này nhằm mục đích đầu tư mua cổ phiếu của các công ty cổ phần khác; tìm kiếm địa điểm, thực hiện giao dịch thuê/mua bất động sản làm văn phòng đại diện của Công ty tại TP, Hồ Chí Minh theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các thủ tục để mua cổ phiếu và thực hiện giao dịch thuê/mua bất động sản vẫn chưa hoàn thành và chưa có kế hoạch, thông tin cụ thể và tiến độ

thực hiện (xem chi tiết Thuyết minh số 9). Với những tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo”.

Để việc đầu tư, tìm kiếm địa điểm được chủ động, HĐQT Công ty thực hiện ủy quyền và giao cho cá nhân thực hiện đàm phán với các đối tác về việc mua cổ phần, thực hiện giao dịch thuê/mua bất động sản làm văn phòng của các đơn vị trên trong khoảng giá mà HĐQT phê duyệt. Sau khi các cá nhân này đàm phán thành công và hai bên ký biên bản ghi nhớ về việc đầu tư, thuê/mua bất động sản chúng tôi sẽ thực hiện cơ cấu các khoản mục đầu tư để đầu tư vào các Doanh nghiệp này theo đúng tỷ lệ và tuân thủ các quy định hiện hành về đầu tư của Công ty chứng khoán.

- Vấn đề cần nhấn mạnh

“Nhu Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 1.3 trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, giao dịch thanh lý trái phiếu Phương Trung trong năm làm phát sinh khoản lỗ 15 tỷ đồng và ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động năm 2016 của Công ty”.

Trong năm, Chúng tôi thực hiện cơ cấu các khoản đầu tư tài chính, tất toán các khoản đầu tư nên tạm thời doanh thu và lợi nhuận trong năm giảm.

“Tại ngày 31/12/2016, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu chưa niêm yết với tổng giá trị đầu tư là 40 tỷ đồng do không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các chứng khoán này (chi tiết xem Thuyết minh số 05)”.

Thực hiện theo nội dung Thông tư 146/2014/TT-BTC, do không có cơ sở xác định giá giao dịch thị trường của chứng khoán này nên Chúng tôi không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và cổ phiếu chưa niêm yết.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Trong năm 2016, Công ty đã chấp hành đầy đủ các quy định của địa phương, thực hiện tốt hoạt động xã hội cộng đồng và trách nhiệm với công tác an sinh xã hội

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Kết quả kinh doanh năm 2016 của chúng tôi chịu ảnh hưởng đồng thời từ các yếu tố tích cực và tiêu cực của thị trường trong nước và quốc tế.
- Các chỉ tiêu kinh doanh chính của VSM trong năm 2016 đạt được như sau:

+ Doanh thu đạt:	7.144.262.784 đồng
+ Chi phí hoạt động kinh doanh:	38.938.032.212 đồng
+ Lợi nhuận trước thuế đạt:	-37.588.655.969 đồng
+ Lợi nhuận sau thuế đạt:	-37.588.655.969 đồng

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Ban Tổng Giám đốc VSM đã thực hiện kiểm soát rủi ro tốt, đồng thời nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của nhân viên.

- Phát huy những kết quả đã đạt được, trong năm 2017 Hội đồng quản trị VSM sẽ thường xuyên chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của công ty đạt hiệu quả cao nhất.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị VSM xác định rõ năm 2017 sẽ tiếp tục triển khai định hướng phát triển như năm 2016, cụ thể:

- Mở rộng thị phần
- Quản trị rủi ro tốt
- Đa dạng hoá nguồn thu
- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của nhân viên

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị Công ty:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu CP chứng khoán khác do công ty phát hành	Ghi chú
1	Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	26,97%	0	
2	Phạm Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	0	0	
3	Lê Hữu Lộc	Thành viên HĐQT	5,60%	0	
4	Phạm Xuân Ái	Thành viên HĐQT	12,57%	0	
5	Lâm Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	13,05%	0	

Ngày 14/03/2016 bà Nguyễn Thị Thanh Vân xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT, ngày 16/03/2016 bầu bà Phạm Thị Hải Yến giữ chức vụ Thành viên HĐQT.

Ngày 15/05/2016 ông Hoàng Đình Kế xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT và bổ nhiệm ông Phạm Xuân Ái giữ chức vụ Thành viên HĐQT.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Ban Kiểm toán nội bộ.
- Ban Quản trị rủi ro.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2016 Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo sát các hoạt động kinh doanh của công ty, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp để chỉ đạo kịp thời, linh hoạt và phù hợp với diễn biến của thị trường, đồng thời đưa ra các phương hướng hoạt động, giải quyết những khó khăn, tồn tại, cụ thể:

- ❖ Xem xét, đánh giá hoạt động kinh doanh của từng tháng, quý, từ đó đưa ra kế hoạch cụ thể cho các tháng, quý tiếp theo.
- ❖ Chỉ đạo, rà soát các cơ chế quản lý nội bộ của công ty để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
- ❖ Chỉ đạo ban điều hành sắp xếp tinh giảm bộ máy, nâng cao năng lực hoạt động.
- ❖ Chỉ đạo ban điều hành thực hiện thu hồi công nợ, kiểm soát rủi ro tốt, đảm bảo an toàn tài chính.

Các cuộc họp của HĐQT trong năm:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/2016/VSM- HĐQT	29/02/2016	Báo cáo KQKD quý IV/2015, thông qua KH KD quý I/2016 và KH tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2016.
2	05/2016/VSM- HĐQT	11/04/2016	Phiên họp định kỳ Quý II/2016.
3	10/2016/VSM- HĐQT	11/05/2016	Về việc thay đổi thành viên HĐQT
4	15.7/ VSM-NQ- HĐQT	15/07/2016	Phiên họp định kỳ Quý III/2016
5	13.10/ VSM-NQ- HĐQT	13/10/2016	Phiên họp định kỳ Quý IV/2016

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên HĐQT không điều hành giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động theo đúng pháp luật, điều lệ công ty, phù hợp với các chủ trương, chính sách của công ty.

c) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

-Ban Kiểm toán nội bộ:

Hàng tháng, Trưởng ban kiểm toán nội bộ báo cáo tình hình hoạt động trong tháng và kế hoạch của tháng tiếp theo cho Hội đồng quản trị.

-Ban Quản trị rủi ro:

Hàng ngày, Trưởng ban Quản trị rủi ro làm báo cáo gửi Hội đồng quản trị về tình hình quản trị rủi ro của công ty và đưa ra kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo.

2. Ban Kiểm soát:

a, Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu CP chứng khoán khác do công ty phát	Ghi chú
-----	--------	-----------	-------------------------------------	--	---------

				hành	
1	Phùng Thị Kim Anh	Trưởng ban Kiểm soát	0%	0	
2	Phạm Quốc Tuệ	Thành viên Ban kiểm soát	5,74%	0	
3	Trần Kiên Cường	Thành viên Ban kiểm soát	0%	0	

b, Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ về các nội dung sau:

- + Triển khai chương trình công tác năm 2016.
- + Thông qua báo cáo thẩm định tình hình kinh doanh, thẩm định báo cáo quyết toán tài chính và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2015 để trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
- + Thông qua báo cáo thẩm định báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016.
- + Thống nhất kế hoạch triển khai công tác thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính năm 2016 và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2016 của HĐQT để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty năm 2016, cụ thể:
 - + Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm 2016 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
 - + Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
 - + Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
 - + Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
 - + Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Căn cứ trên tình hình kinh doanh thực tế của công ty trong năm 2016, thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm là 683.849.296 đồng.

- *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*: Không có
- *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*:

VI. Báo cáo tài chính:

Tham khảo file tài liệu kèm theo.

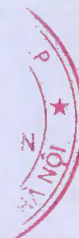
Trân trọng!

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM
CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM THỊ HINH



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 36
Báo cáo tình hình tài chính	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động	09 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK - GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, được điều chỉnh theo các Giấy phép điều chỉnh số 269/UBCK - GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/10/2009 về đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/08/2011 về đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM; và Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 28/11/2011 về tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 200.000.000.000 VND.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch	
Ông Hoàng Đình Kế	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 11/05/2016)
Ông Phạm Xuân Ái	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 11/05/2016)
Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên	
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16/03/2016)
Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 16/03/2016)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Đình Trung	Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 30/05/2016)
Ông Hoàng Đình Kế	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2016)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phùng Thị Kim Anh	Trưởng ban
Ông Phạm Quốc Tuệ	Thành viên
Ông Trần Kiên Cường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Phạm Thị Hình

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Số: 1161 /2017/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM được lập ngày 31 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2016, số dư khoản tạm ứng cho các cổ đông, thành viên HĐQT là 38,8 tỷ đồng (chiếm 23,7% vốn chủ sở hữu của Công ty). Các khoản tạm ứng này nhằm mục đích đầu tư mua cổ phiếu của các công ty cổ phần khác; tìm kiếm địa điểm, thực hiện giao dịch thuê/mua bất động sản làm văn phòng đại diện của Công ty tại TP. Hồ Chí Minh theo các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các thủ tục để mua cổ phiếu và thực hiện giao dịch thuê/mua bất động sản vẫn chưa hoàn thành và chưa có kế hoạch, thông tin cụ thể về tiến độ thực hiện (xem chi tiết Thuyết minh số 9). Với những tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các vấn đề sau:

- Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 1.3 trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, giao dịch thanh lý trái phiếu Phương Trung trong năm làm phát sinh khoản lỗ 15 tỷ đồng và ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động năm 2016 của Công ty;
- Tại ngày 31/12/2016, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào trái phiếu chưa niêm yết với tổng giá trị đầu tư là 40 tỷ đồng do không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các chứng khoán này (chi tiết xem Thuyết minh số 05).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Diệu Trang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0938-2013-002-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		163.538.737.081	200.891.361.703
110	I. Tài sản tài chính		124.050.992.662	148.492.299.627
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	130.285.378	327.848.651 ✓
111.1	1.1 Tiền		130.285.378	327.848.651 ✓
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	29.964.596.000	40.091.280.000
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	40.000.000.000 ✓	100.000.000.000
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	5	(21.794.773.700) ✓	(21.260.000)
117	5. Các khoản phải thu	6	60.447.875.000 ✓	7.336.180.561 ✓
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		55.000.000.000 ✓	-
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		5.447.875.000 ✓	7.336.180.561
117.3	5.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		5.447.875.000	-
117.4	5.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		-	7.336.180.561
118	6. Trả trước cho người bán	8	15.003.000.000 ✓	224.400.000
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	298.000.000 ✓	777.285.020
122	8. Các khoản phải thu khác	6	1.182.474.692 ✓	952.922.681
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	7	(1.180.464.708)	(1.196.357.286)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		39.487.744.419	52.399.062.076 ✓
131	1. Tạm ứng	9	39.015.560.503	52.165.405.141
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	466.257.911	19.729.408 ✓
135	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.926.005	- ✓
137	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	213.927.527 ✓
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.963.273.879	2.048.406.872 ✓
220	I. Tài sản cố định		286.176.397	146.333.062 ✓
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	4.231.938	14.388.606 ✓
222	- Nguyên giá		3.318.712.723	3.318.712.723 ✓
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.314.480.785)	(3.304.324.117) ✓
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	281.944.459	131.944.456 ✓
228	- Nguyên giá		5.339.533.184	4.989.533.184 ✓
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.057.588.725)	(4.857.588.728) ✓
250	II. Tài sản dài hạn khác		1.677.097.482	1.902.073.810 ✓
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	202.874.751	202.874.751
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	111.818.943	346.971.020 ✓
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	1.362.403.788	1.352.228.039 ✓
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		165.502.010.960	202.939.768.575 ✓

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.760.088.793	1.609.190.439 ✓
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.760.088.793	1.609.190.439 ✓
314	1. Vay tài sản tài chính ngắn hạn	15	18.224.000	- ✓
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	15.710.731	48.533.668
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.086.492.281 ✓	263.019.284 ✓
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	23.000.000 ✓
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	17.224.824	198.901.344 ✓
323	6. Phải trả người lao động		377.105.723	- ✓
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		135.330.000	127.425.000
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	87.180.000	604.903.670 ✓
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		22.764.692	343.350.931 ✓
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		56.542	56.542 ✓
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		163.741.922.167	201.330.578.136 ✓
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	163.741.922.167	201.330.578.136 ✓
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000 ✓
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		87.438.309	87.438.309
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		374.602.410	374.602.410 ✓
416	4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		141.430.149	141.430.149 ✓
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		(36.861.548.701)	727.107.268 ✓
417.1	5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(36.861.548.701)	727.107.268
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		<u>165.502.010.960</u>	<u>202.939.768.575</u> ✓

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		20.000.000	20.000.000
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	23	55.785.900.000	56.020.500.000
012	3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	24	40.000.000.000	95.000.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	25	229.365.920.000	120.570.590.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		229.316.920.000	120.566.640.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		49.000.000	3.450.000
021.5	c. Tài sản tài chính chờ thanh toán		-	500.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	26	72.613.850.000	72.618.350.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		72.613.850.000	72.618.350.000
026	3. Tiền gửi của khách hàng	27	443.633.303	5.919.287.260
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		420.908.784	5.881.196.625
028	3.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		20.927.955	1.000.022
029	3.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		1.796.564	37.090.613
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		1.796.564	37.090.613
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28	443.577.779	5.919.287.260
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		443.577.779	5.919.287.260
035	5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	29		-

Thái Thị Thu Hiền
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
02	1.1 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	30.a)	5.980.694.439	7.325.347.225
06	1.2 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		190.312.977	269.266.334 ✓
09	1.3 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		79.164.459	31.399.736 ✓
10	1.4 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		894.090.909	1.830.909.091 ✓
11	1.5 Thu nhập hoạt động khác		-	102.076.490 ✓
20	Cộng doanh thu hoạt động		7.144.262.784	9.558.998.876 ✓
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	30.b)	91.601.700	-
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL		91.601.700	-
22	2.2 Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		15.000.000.000	-
24	2.3 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		21.757.621.122	21.260.000
27	2.4 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		938.795.781	836.844.801
30	2.5 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		203.307.946	95.809.456
31	2.6 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		946.705.663	1.394.535.267
32	2.7 Chi phí các dịch vụ khác		-	7.782.931
40	Cộng chi phí hoạt động		38.938.032.212	2.356.232.455
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	31		
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		87.066.833	92.484.253
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		87.066.833	92.484.253
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	4.1 Chi phí lãi vay		204.000	-
60	Cộng chi phí tài chính		204.000	-
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	32	5.880.864.397	6.739.807.690
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(37.587.770.992)	555.442.984
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	7.1 Thu nhập khác	33	24.545.080	- ✓
72	7.2 Chi phí khác	34	25.430.057	451.502.491 ✓
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(884.977)	(451.502.491)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

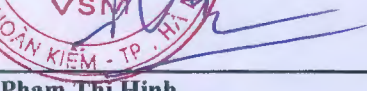
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(37.588.655.969)	103.940.493
91	8.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(37.588.655.969)	103.940.493 ✓
100	IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	35	-	93.266.908 ✓
100.1	9.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	93.266.908
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(37.588.655.969)	10.673.585 V
500	XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	36	(1.879)	0,53 ✓


Thái Thị Thu Hiền
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng




Phạm Thị Hinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(40.000.000.000)	(10.000.000.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		40.053.102.300	20.000.000.000 ✓
05	3. Tiền lãi đã thu		7.869.000.000	3.695.000.000
07	4. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(653.041.352)	(523.072.917) ✓
08	5. Tiền chi trả cho người lao động		(2.254.198.114)	(2.931.358.050) ✓
09	6. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán		(260.495.383)	(145.121.552)
11	7. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		101.585.041.451	250.196.626.399 ✓
12	8. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(91.536.972.175)	(280.092.754.029) ✓
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.802.436.727	(19.800.680.149)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(15.000.000.000)	- ✓
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(15.000.000.000)	- ✓
50	III. Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(197.563.273)	(19.800.680.149)
60	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		327.848.651	20.128.528.800 ✓
61	Tiền		327.848.651	20.128.528.800
70	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		130.285.378	327.848.651 ✓
71	Tiền		130.285.378	327.848.651

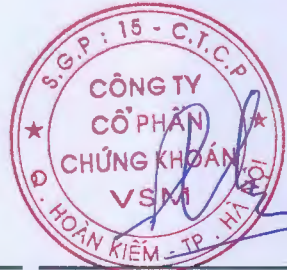
PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		59.566.142.300	103.567.398.800
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(40.011.272.700)	(99.415.714.700)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(24.546.309.440)	(1.345.966.670)
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(484.214.117)	(153.119.042)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		450.615.646	456.900.000
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(450.615.646)	(456.900.000)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(5.475.653.957)	2.652.598.388
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		5.919.287.260	3.266.688.872
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		5.919.287.260	3.266.688.872
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		5.881.196.625	3.136.616.438
33	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		37.090.613	22.481.252
34	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		1.000.022	107.591.182
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		443.633.303	5.919.287.260
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		443.633.303	5.919.287.260
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		420.908.784	5.881.196.625
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		20.927.955	1.000.022
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		1.796.564	37.090.613

Thái Thị Thu Hiền
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng



Phạm Thị Hình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

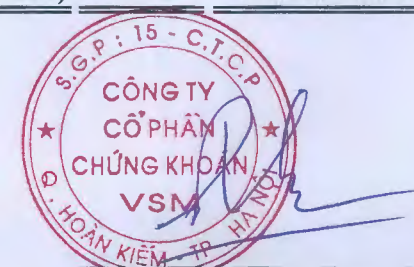
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2015	01/01/2016	Năm 2015		Năm 2016		31/12/2015	31/12/2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000 ✓
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		87.438.309	87.438.309	-	-	-	-	87.438.309	87.438.309
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		374.068.731	374.602.410	533.679	-	-	-	374.602.410	374.602.410 ✓
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		140.896.470	141.430.149	533.679	-	-	-	141.430.149	141.430.149 ✓
5. Lợi nhuận chưa phân phối		655.045.106	727.107.268	73.129.520	1.067.358	(37.588.655.969)	-	727.107.268	(36.861.548.701) ✓
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		655.045.106	727.107.268	73.129.520	1.067.358	(37.588.655.969)	-	727.107.268	(36.861.548.701)
CỘNG		201.257.448.616	201.330.578.136	74.196.878	1.067.358	(37.588.655.969)	-	201.330.578.136	163.741.922.167 ✓

Thái Thị Thu Hiền
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng



Phạm Thị Hinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK - GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, được điều chỉnh theo các Giấy phép điều chỉnh số 269/UBCK - GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/10/2009 về đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/08/2011 về đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM; và Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 28/11/2011 về tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 200.000.000.000 VND.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà Handico, số 34 Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành năm 2007 và được thay thế bởi Điều lệ ban hành ngày 16/03/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 200 tỷ đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong năm, Công ty thực hiện thanh lý trái phiếu Công ty Cổ phần Phương Trung theo biên bản thanh lý hợp đồng số 01/BBTL/PT-VSM ngày 24/10/2016. Căn cứ biên bản thanh lý, Công ty Cổ phần Phương Trung thực hiện thanh toán toàn bộ gốc và lãi còn lại của trái phiếu với tổng số tiền là 95.627.875.000 VND, trong đó bao gồm 85 tỷ đồng nợ gốc trái phiếu và 10.627.875.000 VND tiền lãi trái phiếu mà không thực hiện thanh toán theo cam kết mua trái phiếu số 02/2012/PT-VSM và phụ lục hợp đồng số 02/2012/PLHĐ/PT-VSM đã ký. Giao dịch này dẫn đến việc Công ty ghi nhận khoản lỗ 15 tỷ đồng trên Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2016;
- Tại thời điểm 31/12/2016, giá trị các cổ phiếu do Công ty nắm giữ (KSA, KHL, KSK) sụt giảm mạnh so với giá mua ban đầu. Theo đó, Công ty đã ghi nhận khoản lỗ do suy giảm tài sản tài chính trong năm với số tiền 21,7 tỷ trên Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2016.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 theo quy định của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Thông tư số 334/2016/TT-BTC khi so sánh với số liệu năm nay.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày $T+x$ theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuận.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

- Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

c) Nguyên tắc dự phòng giảm giá tài sản tài chính

Năm 2016 Luật Chứng khoán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty không áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ căn cứ trên số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.5 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 05 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| - Phần mềm máy tính | 05 năm |

2.6 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo Kết quả hoạt động.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.7 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.8 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) của Công ty.

2.9 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo Kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.11 . Doanh thu, thu nhập*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM bao gồm: cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty (FVTPL) được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.12 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.13 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính của Công ty là doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

2.14 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	26.180	71.326.300
- Cổ phiếu	26.180	71.326.300
Của nhà đầu tư	25.324.411	99.563.205.000
- Cổ phiếu	25.324.411	99.563.205.000
	25.350.591	99.634.531.300

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	11.702.004	21.243.649
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty (*)	97.497.225	304.528.592
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	21.086.149	2.076.410
	130.285.378	327.848.651

(*) Tại ngày 31/12/2016, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giá trị 25.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ cá nhân theo Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán số 2519/2016 giữa Công ty và bà Nguyễn Thị Bích Thủy (Xem chi tiết tại thuyết minh số 15).

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	29.964.596.000	30.091.280.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	10.000.000.000
	29.964.596.000	40.091.280.000

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trái phiếu	40.000.000.000	100.000.000.000
- Công ty Cổ phần Phương Trung	-	100.000.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa (*)	40.000.000.000	-
	40.000.000.000	100.000.000.000

(*) Trái phiếu của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa được mua lại theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01TP/2016/PH-VSM ngày 29/12/2016. Mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu; Kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành là ngày 29/12/2016, đáo hạn ngày 28/12/2021; Tổng giá mua trái phiếu là 40 tỷ đồng; Lãi suất trái phiếu là 8,0%/năm. Hội đồng quản trị đã thông qua chủ trương mua trái phiếu này tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29.12/2016/NQ-HĐQT ngày 29/12/2016.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

c) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng năm nay		Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
		Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính		
		VND	VND	VND	VND
FVTPL		29.964.596.000	8.169.822.300	(21.794.773.700)	(21.773.513.700)
Cổ phiếu niêm yết		29.964.596.000	8.169.822.300	(21.794.773.700)	(21.773.513.700)
- KHL	45.000	88.310.000	36.000.000	(20.810.000)	(31.500.000)
- KSK	1.500	3.000.000	1.650.000	(450.000)	(900.000)
- KSA	5.532.090	29.873.286.000	8.132.172.300	-	(21.741.113.700)
HTM		40.000.000.000			
Trái phiếu					
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa (*)	40	40.000.000.000			
		69.964.596.000	8.169.822.300	(21.794.773.700)	(21.773.513.700)

(*) Do chưa xác định được giá trị thị trường của trái phiếu này tại ngày 31/12/2016 nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá trái phiếu.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	60.447.875.000	7.336.180.561
- Phải thu gốc trái phiếu đến hạn của Công ty Cổ phần Phương Trung (*)	55.000.000.000	-
- Phải thu lãi trái phiếu đến hạn của Công ty Cổ phần Phương Trung (*)	5.447.875.000	7.336.180.561
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	298.000.000	777.285.020
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long	88.000.000	48.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình	70.000.000	80.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng Sản Luyện Kim Màu	49.000.000	120.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	48.000.000	355.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai	43.000.000	170.000.000
- Phải thu đối tượng khác	-	4.285.020
Phải thu khác	1.182.474.692	952.922.681
- Ông Đinh Văn Tạo	108.228.636	238.228.636
- Công ty Cổ phần Truyền thông Thời đại	104.400.000	-
- Các đối tượng khác	969.846.056	714.694.045
	61.928.349.692	9.066.388.262

(*) Theo Biên bản thanh lý Hợp đồng số 01/BBTL/PT-VSM ngày 24/10/2016 giữa Công ty Cổ phần Phương Trung và Công ty, hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng mua bán trái phiếu. Theo đó, tổng giá trị thanh toán hợp đồng là 95.627.875.000 VND, bao gồm 85.000.000.000 VND gốc Trái phiếu và 10.627.875.000 VND tiền lãi trái phiếu chưa thanh toán đến ngày thanh lý. Thời hạn thanh toán trước ngày 15 tháng 04 năm 2017. Theo đó, giá trị thanh lý trái phiếu thấp hơn giá trị thỏa thuận theo cam kết mua trái phiếu số 02/2012/PT-VSM và phụ lục hợp đồng số 02/2012/PLHĐ/PT-VSM đã ký giữa hai bên với số tiền là 15 tỷ đồng.

7 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay				Năm trước
		Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm	
			VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Truyền thông Thời đại	104.400.000	(104.400.000)	-	-	(104.400.000)	(104.400.000)
- Công ty TNHH Hợp Nhất	45.000.000	(45.000.000)	-	-	(45.000.000)	(45.000.000)
- Phải thu lãi và gốc từ hợp đồng hợp tác đầu tư quá hạn	108.228.636	(124.121.214)	-	15.892.578	(108.228.636)	(124.121.214)
- Các khoản phải thu khác	922.836.072	(922.836.072)	-	-	(922.836.072)	(922.836.072)
	1.180.464.708	(1.196.357.286)	-	15.892.578	(1.180.464.708)	(1.196.357.286)

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp	15.003.000.000	224.400.000
- Công ty Cổ phần Truyền thông Thời Đại	-	104.400.000
- Công ty TNHH Hợp Nhất	-	45.000.000
- Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo	-	30.000.000
- Bà Phạm Thị Hinh (*)	15.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	3.000.000	45.000.000
	15.003.000.000	224.400.000

(*) Khoản tiền trả trước cho bà Phạm Thị Hinh để mua lại khu đất tại địa chỉ Thôn 3, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Hinh theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/12/2016. Mục đích mua đất là để mở văn phòng đại diện của Công ty tại Yên Bái theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 25/12/2016/VSM-HĐQT ngày 26/12/2016. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn thành các thủ tục sang tên, chuyển giao quyền sử dụng đất.

9 . TẠM ỨNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Bà Phạm Thị Hằng (i)	10.000.000.000	20.000.000.000
Bà Phạm Thị Hinh (ii)	8.815.610.000	17.000.000.000
Ông Lê Hữu Lộc (iii)	5.000.000.000	15.000.000.000
Ông Lâm Hoàng Giang (iv)	10.000.000.000	5.000.000
Ông Phạm Xuân Ái (v)	5.000.000.000	-
Các cá nhân khác	199.950.503	160.405.141
	39.015.560.503	52.165.405.141

(i) Theo Nghị quyết số 18.11.3/2016/VSM-HĐQT ngày 18/11/2016, Hội đồng Quản trị Công ty ủy quyền cho bà Phạm Thị Hằng trong hạn mức 20 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan đến việc mua 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Đông Hà. Khoản tạm ứng được đảm bảo khả năng thu hồi bằng 5.397.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM mà bà Phạm Thị Hằng đang nắm giữ. Thời hạn hoàn ứng là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng.

(ii) Theo Nghị quyết số 18.11.1/2016/VSM-HĐQT ngày 18/11/2016, Hội đồng Quản trị Công ty ủy quyền cho bà Phạm Thị Hinh trong hạn mức 10 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan đến việc mua 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng. Khoản tạm ứng được đảm bảo khả năng thu hồi bằng 1.118.000 cổ phiếu KHB, 2.189.450 cổ phiếu KSG và 1.220.000 cổ phiếu KSA thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Hinh đang lưu ký tại Công ty và/hoặc 5.395.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM mà bà Phạm Thị Hinh đang nắm giữ. Thời hạn hoàn ứng là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng.

(iii) Theo Nghị quyết số 18.11.4/2016/VSM-HĐQT ngày 18/11/2016, Hội đồng Quản trị Công ty ủy quyền cho ông Lê Hữu Lộc trong hạn mức 7 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan đến việc mua 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái. Khoản tạm ứng được đảm bảo khả năng thu hồi bằng 1.120.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM mà ông Lê Hữu Lộc làm đại diện nắm giữ. Thời hạn hoàn ứng là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng.

- (iv) Theo Nghị quyết số 18.11.2/2016/VSM-HĐQT ngày 18/11/2016, Hội đồng Quản trị Công ty ủy quyền cho ông Lâm Hoàng Giang trong hạn mức 15 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan đến việc mua 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành. Khoản tạm ứng được đảm bảo khả năng thu hồi bằng 2.609.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM mà ông Lâm Hoàng Giang đang nắm giữ. Thời hạn hoàn ứng là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng.
- (v) Theo Nghị quyết số 01.12/2016/VSM-HĐQT ngày 01/12/2016, Hội đồng Quản trị Công ty ủy quyền cho ông Phạm Xuân Ái trong hạn mức 5 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thuê/mua bất động sản để làm văn phòng đại diện của Công ty tại TP. Hồ Chí Minh. Khoản tạm ứng không có tài sản đảm bảo. Thời hạn hoàn ứng là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	427.089.510	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	39.168.401	19.729.408
	466.257.911	19.729.408

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	111.818.943	75.067.854
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	124.751.227
Chi phí thực hiện các hợp đồng tư vấn dở dang	-	137.961.923
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	9.190.016
	111.818.943	346.971.020

11 . CẠM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	192.874.751	192.874.751
Đặt cọc khác	10.000.000	10.000.000
	202.874.751	202.874.751

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	30.470.000	3.288.242.723	3.318.712.723
Tại ngày 31/12/2016	30.470.000	3.288.242.723	3.318.712.723
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	16.081.394	3.288.242.723	3.304.324.117
Khấu hao trong năm	10.156.668	-	10.156.668
Tại ngày 31/12/2016	26.238.062	3.288.242.723	3.314.480.785
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình			
Tại ngày 01/01/2016	14.388.606	-	14.388.606
Tại ngày 31/12/2016	4.231.938	-	4.231.938

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.288.242.723 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

- Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính, phần mềm giao dịch với tổng nguyên giá là 5.339.533.184 VND, trong đó tài sản cố định vô hình tăng trong năm do được nâng cấp với nguyên giá là 350.000.000 VND; Giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm ngày 31/12/2016 là 5.057.588.725 VND, khấu hao trong năm là 199.999.997 VND. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã hết khấu hao còn sử dụng là 4.739.533.184 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	869.423.077	836.970.381
Tiền lãi phân bổ trong năm	372.980.711	395.257.658
Số dư cuối năm	1.362.403.788	1.352.228.039

15 . VAY TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2016	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Vay đối tượng khác (*)	-	18.224.000	-	18.224.000
	-	18.224.000	-	18.224.000

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

(*) Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán số 2519 ngày 30/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM và bà Nguyễn Thị Bích Thủy. Theo đó, Công ty thực hiện vay 1.360 cổ phiếu MBB từ bà Nguyễn Thị Bích Thủy; Mục đích vay là để hỗ trợ thanh toán; Lãi suất vay 10%/năm; ngày xác lập khoản vay là ngày 30/12/2016; thời hạn vay 05 ngày; ngày hoàn trả là ngày 06/01/2017; giá trị khoản vay tại ngày xác lập thỏa thuận vay và cho vay là 18.224.000 VND. Khoản vay được đảm bảo bằng số dư tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, số tài khoản 12211000002380 với số dư là 25.000.000 VND.

16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	759.800	34.609.180
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	14.950.931	13.924.488
	15.710.731	48.533.668

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội (Handico)	751.686.404	220.883.520
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	125.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư WB - CAP	132.000.000	-
Phải trả các đối tượng khác	77.805.877	42.135.764
	1.086.492.281	263.019.284

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	80.305.557
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	93.266.908
Thuế Thu nhập cá nhân	17.224.824	25.328.879
	17.224.824	198.901.344

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng, điện, nước, cước viễn thông	45.180.000	534.903.670
Chi phí phải trả khác	42.000.000	70.000.000
	87.180.000	604.903.670

20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Bà Phạm Thị Hinh	26,97%	53.950.000.000	14,40%	28.800.000.000
Bà Phạm Thị Hằng	26,99%	53.975.000.000	26,99%	53.975.000.000
Bà Trần Thị Hạnh	14,40%	28.800.000.000	14,40%	28.800.000.000
Ông Lâm Hoàng Giang	13,05%	26.095.000.000	13,05%	26.095.000.000
Ông Hoàng Đình Kế	0,00%	-	12,57%	25.150.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	7,25%	14.500.000.000	7,25%	14.500.000.000
Ông Phạm Quốc Tuệ	5,74%	11.475.000.000	5,74%	11.475.000.000
Công ty Cổ phần Phương Trung	5,60%	11.205.000.000	5,60%	11.205.000.000
	100%	200.000.000.000	100%	200.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(36.861.548.701)	727.107.268
	(36.861.548.701)	727.107.268

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Loại <= 1 năm	55.785.900.000	56.020.500.000
	55.785.900.000	56.020.500.000

22 . CHỨNG KHOÁN CHƯA NIÊM YẾT CHƯA LƯU KÝ CỦA CÔNG TY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Loại <= 1 năm	40.000.000.000	95.000.000.000
	40.000.000.000	95.000.000.000

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	55.785.900.000	56.020.500.000
	55.785.900.000	56.020.500.000

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	40.000.000.000	95.000.000.000
	40.000.000.000	95.000.000.000

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	229.316.920.000	120.566.640.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	49.000.000	3.450.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	500.000
	229.365.920.000	120.570.590.000

26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	72.613.850.000	72.618.350.000
	72.613.850.000	72.618.350.000

27 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	420.908.784	5.881.196.625
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	420.908.784	5.881.196.625
1.1. Nhà đầu tư trong nước	420.908.784	5.881.196.625
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	20.927.955	1.000.022
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.796.564	37.090.613
1. Nhà đầu tư trong nước	1.796.564	37.090.613
	443.633.303	5.919.287.260

28 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	443.577.779	5.919.287.260
1.1. Nhà đầu tư trong nước	443.577.779	5.919.287.260
	443.577.779	5.919.287.260

29 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	55.524	-
	55.524	-

30 . THU NHẬP

a) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi trái phiếu Phương Trung	5.980.694.439	7.325.347.225
	5.980.694.439	7.325.347.225

b) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết		53.102.300	144.704.000	-	91.601.700	-	-
- Sàn TP. Hồ Chí Minh				-	-	-	-
+ KSA	23.460	35.082.300	126.684.000	-	91.601.700	-	-
+ MBB	1.360	18.020.000	18.020.000	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết		10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến khoáng sản Yên Bái	1.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	-
	1.024.820	10.053.102.300	10.144.704.000	-	91.601.700	-	-

31 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	87.066.833	92.484.253
	87.066.833	92.484.253

32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	2.504.432.460	2.518.814.594
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	257.516.432	289.130.500
Chi phí vật tư văn phòng	75.913.601	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	240.776.682	490.873.316
Chi phí khấu hao TSCĐ	210.156.665	93.489.996
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.204.690	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.521.261.117	3.092.099.284
Chi phí khác	67.602.750	252.400.000
	5.880.864.397	6.739.807.690

33 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Xử lý công nợ phải trả tồn lâu, không xác định được đối tượng	23.000.000	-
Các khoản khác	1.545.080	-
	24.545.080	-

34 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán	-	320.000.000
Chi phí phạt chậm nộp thuế TNDN và tiền lãi chậm nộp BHXH	15.430.057	-
Chi phạt vi phạm hợp đồng	10.000.000	129.420.154
Các khoản khác	-	2.082.337
	25.430.057	451.502.491

35 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(37.588.655.969)	103.940.493
Các khoản điều chỉnh tăng	15.430.057	320.000.000
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	15.430.057	320.000.000
Tổng thu nhập tính thuế	(37.573.225.912)	423.940.493
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	93.266.908
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	93.266.908	32.906.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(93.266.908)	(32.906.347)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	-	93.266.908

36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(37.588.655.969)	10.673.585
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(37.588.655.969)	10.673.585
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.879)	0,53

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

37 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ/VSM ngày 31/10/2016, Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết nghị:

- Thông qua việc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán của Công ty;
- Thông qua việc chấm dứt tư cách thành viên giao dịch thị trường niêm yết và đăng ký giao dịch (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; chấm dứt tư cách thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh; chấm dứt tư cách thành viên lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM.

Công ty đã nhận được Công văn số 2109/SGDHN-QLTV ngày 28/12/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Công văn số 1857/SGDHCM-TV ngày 21/12/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Công ty ngừng hoạt động giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh kể từ ngày 25/02/2017 để thực hiện thủ tục chấm dứt tư cách thành viên theo đúng quy định của pháp luật.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn	Hoạt động khác (*)	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	5.980.694.439	894.090.909	269.477.436	7.144.262.784
Chi phí hoạt động	36.849.426.822	946.705.663	1.142.103.727	38.938.236.212
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	87.066.833
Chi phí không phân bổ	-	-	-	5.880.864.397
Kết quả hoạt động	(30.868.732.383)	(52.614.754)	(872.626.291)	(37.587.770.992)
Tài sản bộ phận trực tiếp	142.433.307.300	298.000.000	1.362.403.788	144.093.711.088
Tài sản không phân bổ	-	-	-	21.408.299.872
Tổng tài sản	142.433.307.300	298.000.000	1.362.403.788	165.502.010.960
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	18.224.000	-	15.710.731	33.934.731
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.726.154.062
Tổng nợ phải trả	18.224.000	-	15.710.731	1.760.088.793

(*) Bao gồm hoạt động môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và các hoạt động khác.

Theo khu vực địa lý

Các hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tạm ứng			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	10.105.000.000	120.600.000.000
- Bà Phạm Thị Hằng	Cổ đông góp vốn	18.500.000.000	80.000.000.000
- Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên HĐQT	5.000.000.000	42.000.000.000
- Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	33.200.000.000	22.000.000
- Ông Phạm Xuân Ái	Thành viên HĐQT	5.000.000.000	-
- Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	13.900.000.000	1.000.000
Thu hồi tạm ứng			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	18.289.390.000	128.690.134.581
- Bà Phạm Thị Hằng	Cổ đông góp vốn	28.500.000.000	60.000.000.000
- Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên HĐQT	15.000.000.000	27.000.000.000
- Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	23.205.000.000	19.120.103
- Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	13.900.000.000	1.000.000
Nhà đầu tư chuyển tiền vào tài khoản			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	29.508.421.000	58.011.615.879
Nhà đầu tư rút tiền khỏi tài khoản			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	35.979.520.000	86.859.581.644
Thu hồi gốc trái phiếu			
- Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	30.000.000.000	-
Thu lãi trái phiếu			
- Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	7.869.000.000	3.695.000.000
Doanh thu tiền lãi trái phiếu			
- Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	5.980.694.439	7.325.347.225
Doanh thu cung cấp dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu	Bên liên quan với HĐQT (i)	80.000.000	189.090.909
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình	Bên liên quan với HĐQT (ii)	109.090.909	109.090.909
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu Gia Lai	Bên liên quan với HĐQT (ii)	230.000.000	600.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Hưng Long	Bên liên quan với HĐQT (ii)	80.000.000	80.000.000
- Công ty Cổ phần Công Nghiệp Khoáng Sản Bình Thuận	Bên liên quan với HĐQT (iii)	230.000.000	350.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu tạm ứng			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	8.815.610.000	17.000.000.000
- Bà Phạm Thị Hằng	Cổ đông góp vốn	10.000.000.000	20.000.000.000
- Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên HĐQT	5.000.000.000	15.000.000.000
- Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	10.000.000.000	-
- Ông Phạm Xuân Ái	Thành viên HĐQT	5.000.000.000	-
Đầu tư trái phiếu			
- Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	-	100.000.000.000
Phải thu gốc trái phiếu đến hạn			
- Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	55.000.000.000	-
Phải thu và dự thu lãi trái phiếu			
- Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	5.447.875.000	7.336.180.561
Phải thu khách hàng			
- Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu	Bên liên quan với HĐQT (i)	49.000.000	120.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình	Bên liên quan với HĐQT (ii)	70.000.000	80.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu Gia Lai	Bên liên quan với HĐQT (ii)	43.000.000	170.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Hưng Long	Bên liên quan với HĐQT (ii)	88.000.000	48.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng Sản Bình Thuận	Bên liên quan với HĐQT (iii)	48.000.000	355.000.000
Trả trước cho người bán			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	15.000.000.000	-
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	87.732	4.716.245.738

(i) Ông Lê Hữu Lộc là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM đồng thời là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu.

(ii) Bà Phạm Thị Hinh là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Gia Lai; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.

(iii) Bà Phạm Thị Hinh là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận.

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	683.849.296	898.179.183

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC. Do đó các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính (tên cũ là Bảng cân đối kế toán), Báo cáo kết quả hoạt động (tên cũ là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính để so sánh được với số liệu năm nay.



Thái Thị Thu Hiền
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng



Phạm Thị Hình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

